

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Song Hoàn;
- Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Lê Thiêm M**, sinh năm 1975; địa chỉ: **A đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ: **A Đ, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

(Ông **M** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **H** vắng mặt không có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Lê Thiêm M trình bày:**

Ông **Lê Thiêm M** và bà **Lê Thị H** tự nguyện quen nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, thị xã **P**, tỉnh **Bà Rịa - Vũng Tàu** vào năm 2021. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của ông và bà **Hiền hòa h** được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hơn nữa, bà **H** có hành động hăm dọa như mua xăng và dây điện để trong nhà và đe dọa có thể đốt hoặc chích điện ông **M** để sát thương

làm ông luôn cảm thấy lo sợ và mệt mỏi khi sống chung cùng bà H. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên hiện nay, ông và bà H đã không còn chung sống cùng nhau. Ông ra ngoài thuê nhà ở riêng, bà H ở cùng con chung của ông bà là cháu Lê Thiêm Đ. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H, yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung, cấp dưỡng: ông và bà H có 01 con chung là cháu Lê Thiêm Đ sinh ngày 24-02-2022, ông đồng ý để bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thiêm Đ và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị H có đến Tòa án theo giấy triệu tập và yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến của bà. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ghi nhận ý kiến bà, bà có đọc và đồng ý nội dung biên bản nhưng bà không ký biên bản mà bỏ về. Ý kiến bà H như sau: bà xác định lời trình bày của ông M về quá trình đăng ký kết hôn, về con chung và về tình trạng vợ chồng bà hiện đang không sống cùng nhau là đúng. Bà thừa nhận do bà ghen tuông nên mới chửi bới ông M nhưng bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bà chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được, nên trước yêu cầu ly hôn của ông M, bà không đồng ý; bà đồng ý việc bà được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Lê Thiêm M vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông **Lê Thiêm M** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Lê Thị H** nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà **H** có nơi cư trú tại **thành phố V** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông **Lê Thiêm M**, bị đơn bà **Lê Thị H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Ông **M**, bà **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, thị xã **P**, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 19-10-2021 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông **M** trình bày: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của ông và bà **Hiền hòa h** được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hơn nữa, bà **H** có hành động hăm dọa như mua xăng và dây điện để trong nhà và đe dọa có thể đốt hoặc chích điện ông **M** để sát thương làm ông luôn cảm thấy lo sợ và mệt mỏi khi sống chung cùng bà **H**. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên hiện nay, ông và bà **H** đã không còn chung sống cùng nhau. Ông ra ngoài thuê nhà ở riêng, bà **H** ở cùng con chung của ông bà là cháu **Lê Thiêm Đ**. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà **H**.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi ông **M**, bà **H** sinh sống có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương thì ông **M**, bà **H** có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, ông **M** đã đi nơi khác sinh sống; bà **H** đang chung sống cùng con chung **Lê Thiêm Đ**. Những nội dung xác minh trên phù hợp với lời trình bày của ông **M**, bà **H**.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, ông **M** xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà **H** và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình. Ông **M**, bà **H** cùng thừa nhận hiện nay ông bà đã không chung sống cùng nhau, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông **M**, bà **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân bà **H** không đồng ý ly hôn nhưng bà không đưa ra được giải pháp nào hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập bà **H** đến làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng bà **H** không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy bà **H** không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của ông **M** và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để

đoàn tụ gia đình. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông **M** với bà **H** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Ông **M**, bà **H** có 01 con chung là cháu **Lê Thiêm Đ** sinh ngày 24-02-2022; ông **M** đồng ý để bà **H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lê Thiêm Đ** và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng. Xét thấy cháu **Đ** còn nhỏ, đang được bà **H** chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **M**, bà **H** cùng đồng ý việc bà **H** trực tiếp nuôi con chung **Lê Thiêm Đ**. Ngoài ra, ông **M** có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng. Xét các ý kiến của ông **M**, bà **H** là tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà **H** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đ**, ghi nhận việc ông **M** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông **M** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho nghĩa vụ cấp dưỡng, bà **H** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Thiêm M**;

Về quan hệ hôn nhân: ông **Lê Thiêm M** được ly hôn với bà **Lê Thị H**.

Về con chung, cấp dưỡng: ông **Lê Thiêm M** và bà **Lê Thị H** có 01 con chung là cháu **Lê Thiêm Đ** sinh ngày 24-02-2022. Bà **Lê Thị H** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lê Thiêm Đ**.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực

tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Ghi nhận việc ông **Lê Thiêm M** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **Lê Thiêm Đ** với số tiền 2.000.000đồng/tháng (*hai triệu đồng/một tháng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Lê Thiêm Đ** đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Lê Thiêm M** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông **Lê Thiêm M** phải chịu 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002124 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; ông **M** phải nộp thêm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí.

Bà **Lê Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trà My